TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày: 07-6-2018
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Tạ Văn Đài;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 2 năm 2018 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2018/QĐST- DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951. Trú tại: Tổ 3, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1992. Cư trú tại: Số 13A, đường số 02, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/02/2018 được UBND xã Sông Trầu chứng thực số 31 quyển số 01/2018-SCT/CK,ĐC ngày 05/02/2018).

- ***Bị đơn***: Bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973 và ông Nguyễn Sơn L, sinh năm 1967. Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N có mặt; Bà U, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/2/2018, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện

nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị L và bà Đỗ Thị Lâm U với ông Nguyễn Sơn L có quen biết nhau từ lâu vì bà U là người cùng ấp, cùng sinh hoạt tôn giáo tại chùa Đà La Ni và chùa số 7 cùng bà L. Khoảng tháng 4/2014 bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng bà Đỗ Thị Lâm U, ông Nguyễn Sơn L vay số tiền 1.620.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng) để buôn bán và trồng nấm. Khi bà L cho ông L, bà U vay tiền bà L đưa trực tiếp tay họ nhận nhưng không lập giấy tờ chỉ có thỏa thuận miệng về tiền lãi là 1,5%/ 01 tháng, trả tiền lãi vào ngày 5 đến ngày mùng 10 hàng tháng; khi nào lấy tiền gốc thì báo trước cho ông L, bà U 01 tháng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền ông L, bà U chỉ trả lãi cho bà L được khoảng 02-03 tháng thì không tiếp tục trả lãi nữa với lý do kinh doanh thua lỗ và bị người khác giật nợ. Do đó bà L đã đến nhà để yêu cầu ông L, bà U trả lại số tiền gốc đã vay. Bà U hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc nên ngày 10/7/2014, bà L yêu cầu bà U và ông L phải ghi vào giấy cam kết thời hạn trả tiền cụ thể thì bà U đã viết giấy cam kết trả nợ cho bà L, ông L có chứng kiến và ký tên trên giấy cam kết đó. Sau khi viết giấy cam kết trả nợ cho bà L vào tối ngày 14/7/2014 âm lịch (Ngày 09/8/2014 dương lịch) cả gia đình ông L, bà U lén lút bỏ đi khỏi địa phương trong đêm không cho ai biết. Từ đó đến nay biệt tích không ai biết ông L, bà U hiện đang cư trú ở đâu. Kể từ ngày 10/7/2014 đến nay bà U, ông L chưa trả bất kỳ khoản tiền vay gốc, lãi nào cho bà L.

Ngày 22/5/2015, TAND huyện Trảng Bom đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 07/2015/QĐDS-ST đối với bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973 và ông Nguyễn Sơn L, sinh năm 1967; nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Bà L đã tìm mọi cách để thông báo cho bà U, ông L trả tiền nợ nhưng không liên lạc được, không biết được địa chỉ nơi cư trú của bà U, ông L.

Nay, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Toà án giải quyết:

+ Buộc bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay nợ gốc là 1.620.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng).

+ Buộc bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền lãi kể từ ngày 10/7/2014 đến khi có quyết định của Tòa án, tạm tính đến ngày 10/02/2018 là 783.675.000 đồng (Bảy trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 06/03/2018, bà Nguyễn Thị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L phải trả tiền lãi còn lại nữa mà chỉ yêu cầu trả cho bà L số tiền gốc đã vay là 1.620.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Đối với bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết, đồng thời yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Lý nhưng bà Uyên, ông Long không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cho các đương sự, nhưng vi phạm về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo quy định tố tụng. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, kết luận giám định đã có đủ căn cứ chứng minh về việc bà U, ông L có vay của bà L số tiền 1.620.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973 và ông Nguyễn Sơn L, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai trả số tiền nợ gốc là 1.620.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ, nên đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã S và Ban ấp 5, xã Sô kết quả: Bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973 và ông Nguyễn Sơn L, sinh năm 1967 có đăng ký thường trú tại Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Từ tháng 8/2014 bà U, ông L bỏ đi biệt tích khỏi địa phương không trình báo với cơ quan quản lý nhân khẩu, từ đó cũng không có trở về nơi cư trú nên chính quyền địa phương không biết được hiện nay họ cư trú ở đâu. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo Giấy cam kết trả nợ ngày 10/7/2014 và kết quả xác minh của Tòa án, đồng thời trình bày bà U, ông L không thông báo địa chỉ mới; Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bà U, ông L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 02/5/2018, nhưng bà U, ông L vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của bà L có đơn từ chối hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bà U, ông L tham gia phiên tòa vào ngày 18/5/2018 và ngày 07/6/2018 nhưng cả hai lần bà U, ông L đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà U, ông L trả số tiền nợ gốc thì thấy: Theo trình bày của người đại diện của bà L thì khi bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng bà Đỗ Thị Lâm U, ông Nguyễn Sơn L vay số tiền 1.620.000.000 đồng các bên không lập giấy tờ vay mượn chỉ có thỏa thuận miệng về tiền lãi là 1,5%/ 01 tháng, trả tiền lãi vào ngày 5 đến ngày mùng 10 hàng tháng; khi nào lấy tiền gốc thì thông báo trước cho ông L, bà U 01 tháng. Trong "Giấy cam kết trả nợ đề ngày 10/7/2014" bà U, ông L thừa nhận vay của bà L số tiền 1.620.000.000 đồng, cam kết sẽ thanh toán trong những ngày gần nhất khi bán được tài sản. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn và có tính lãi, nội dung hợp đồng không thể hiện có việc thế chấp tài sản khi vay. Bà U, ông L cam kết sẽ trả tiền cho bà L trong thời gian gần nhất khi bán được tài sản, tuy nhiên, bà U, ông L bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho bà L là đã vi phạm cam kết trả nợ. Căn cứ các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, bà L có quyền khởi kiện yêu cầu bà U, ông L trả tiền theo cam kết trả nợ.

Xét "Giấy cam kết trả nợ đề ngày 10/7/2014" mà nguyên đơn cung cấp thì thấy: Ngày 09/3/2018 Tòa án đã yêu cầu Văn phòng công chứng Bình An cung cấp cho Tòa án tài liệu gốc 03 hợp đồng thế chấp QSD đất giữa bà Đỗ Thị Lâm U, ông Nguyễn Sơn L với Ngân hàng TMCP Á Châu- PGD Trảng Bom, được chứng thực tại Văn phòng công chứng Bình An để trưng cầu Phân viên KHHS tại Tp. Hồ Chí Minh- Tổng Cục Cảnh sát giám định về chữ ký, chữ viết của bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L trong "Giấy cam kết trả nợ đề ngày 10/7/2014".

Tại Kết luận giám định số 1601/C54B ngày 10/4/2018 của Phân viên KHHS tại Tp. Hồ Chí Minh- Tổng Cục Cảnh sát kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên Đỗ Thị Lâm U dưới mục "Người vay tiền" trên Giấy cam kết trả nợ đề ngày 10/7/2014 so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị Lâm U trên 03 tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký mang tên "Ng˜ Sơn L" dưới mục "Người thừa kế" trên Giấy cam kết trả nợ ngày 10/7/2014 so với chữ ký mang tên Nguyễn Sơn L trên 03 tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Như vậy, chứng tỏ việc bà Đỗ Thị Lâm U, ông Nguyễn Sơn L có vay số tiền 1.620.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị L là có thật.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, bà U, ông L không có mặt và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ gốc cho bà L. Do vậy, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U, ông Nguyễn Sơn L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 1.620.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Ngày 06/03/2018, bà Nguyễn Thị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L phải trả tiền lãi. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu

cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L trả tiền lãi.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được chấp nhận toàn bộ nên bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng+(3%x820.000.000 đồng)=60.600.000 đồng. Bà L không phải chịu án phí, do bà L thuộc diện người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 1.620.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L trả tiền lãi.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Lâm U và ông Nguyễn Sơn L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 60.600.000 đồng (Sáu mươi triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà U, ông L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA

Lê Hữu Phúc